

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét tình hình tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	12 - 37
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	38



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (Sau đây gọi tắt là "Công ty") (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 26 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : +84 (274) 3751 501

Fax : +84 (274) 3751 699

Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện

- Chi nhánh Vĩnh Long

Địa chỉ

Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

- Chi nhánh quận 8

Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Tp. HCM

- Chi nhánh Đà Nẵng

Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.

- Văn phòng đại diện

Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế.).

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014	
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014	
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên	28/04/2014	20/03/2018
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	20/06/2018	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014	
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014	
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	28/04/2014	20/06/2018
Ông Lê Thanh Duy	Thành viên	26/06/2018	

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	29/03/2017	
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	29/03/2017	
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2014	
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	28/12/2015	
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Quyền Kế toán trưởng	12/12/2017	

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm ngày 02/07/2018 là ông Lâm Quy Chương – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 08 đến trang 38.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 03/07/2018, Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm ông Võ Thiên Chương (Thành viên Hội đồng quản trị) giữ chức vụ Tổng Giám đốc thay thế cho việc thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TM. Hội đồng Quản trị



Lâm Quy Chương
CHỦ TỊCH HĐQT

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Trụ sở văn phòng: 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Tel: +84 (28) 3999 00 91~97

Fax: +84 (28) 3999 00 90

Email: contact@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



Số: 2307/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

3128
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN
TUÂN
- TP. H

510
NG
PH
- T
H K
- T.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số 0967-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

175-
TY
HỮU
HẠN
TƯ
VẤN
VIỆ
T

181
H
T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		430.736.603.270	471.418.662.352
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	68.669.596.783	157.294.256.423
111	1. Tiền		35.514.659.148	95.391.025.904
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.154.937.635	61.903.230.519
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		22.397.579.403	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		178.684.498.576	186.070.939.407
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	137.367.243.985	142.669.552.266
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	18.580.576.379	24.965.463.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	15.000.000.000	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	10.924.969.741	4.776.922.083
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.188.291.529)	(1.340.998.415)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	154.842.043.929	122.966.054.752
141	1. Hàng tồn kho		167.905.097.422	137.250.233.980
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(13.063.053.493)	(14.284.179.228)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.142.884.579	5.087.411.770
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	70.301.542
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.142.884.579	4.742.191.863
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	-	274.918.365
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		190.033.361.087	186.836.357.229
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.584.065.477	381.928.829
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		6.202.136.648	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	381.928.829	381.928.829
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		176.376.546.739	179.439.974.419
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	156.478.140.894	158.995.028.196
222	- Nguyên giá		356.860.974.504	350.183.770.987
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(200.382.833.610)	(191.188.742.791)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	1.783.254.176	1.904.839.688
225	- Nguyên giá		2.431.710.240	2.431.710.240
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(648.456.064)	(526.870.552)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	18.115.151.669	18.540.106.535
228	- Nguyên giá		22.897.402.879	22.897.402.879
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.782.251.210)	(4.357.296.344)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.703.455.977	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.703.455.977	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.369.292.894	7.014.453.981
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	5.369.292.894	7.014.453.981
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		620.769.964.357	658.255.019.581

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		386.720.934.841	417.420.223.228
310	I. Nợ ngắn hạn		384.338.434.841	414.578.723.228
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	95.740.565.946	125.486.910.322
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	6.122.910.501	388.697.031
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.413.081.045	277.780.389
314	4. Phải trả người lao động		1.425.142.238	2.919.956.639
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	764.356.141	678.111.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	11.440.225.244	1.552.857.410
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	262.644.091.693	278.165.796.496
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	4.788.062.033	5.108.613.208
330	II. Nợ dài hạn		2.382.500.000	2.841.500.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	2.382.500.000	2.841.500.000
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		234.049.029.516	240.834.796.353
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	234.049.029.516	240.834.796.353
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.384.120.000	11.384.120.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.300.417.851	12.888.352.026
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.364.491.665	16.562.324.327
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.738.192.677	8.321.007.825
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.626.298.988	8.241.316.502
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		620.769.964.357	658.255.019.581

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

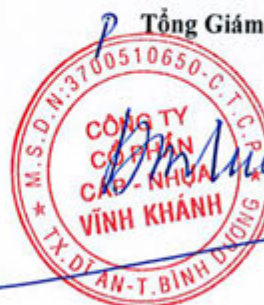
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Phú Thái


Nguyễn Thị Châu Hằng




Dương Minh Hòa
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	435.109.520.514	520.791.900.392
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		435.109.520.514	520.791.900.392
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	402.230.882.418	482.574.758.554
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.878.638.096	38.217.141.838
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.818.432.373	3.674.882.085
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	9.717.184.560	9.857.100.488
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.527.375.362	9.529.189.902
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	9.460.671.276	10.396.544.154
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	11.498.459.627	10.014.979.930
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.020.755.006	11.623.399.351
31	11. Thu nhập khác	VI.7	749.807.116	306.185.249
32	12. Chi phí khác	VI.8	10.156.813	117.901.452
40	13. Lợi nhuận khác		739.650.303	188.283.797
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.760.405.309	11.811.683.148
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	1.134.106.321	2.557.580.242
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	551.926.228
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.626.298.988	8.702.176.678
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	172	392
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	172	392

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Phú Thái


Nguyễn Thị Thùy Hằng




Dương Minh Hòa
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.760.405.309	11.811.683.148
	2. Điều chỉnh cho các khoản		20.049.298.369	15.387.818.472
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		11.820.152.541	9.512.461.206
03	- Các khoản dự phòng		626.167.379	(1.329.808.743)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(612.413.331)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.924.396.913)	(1.711.610.562)
06	- Chi phí lãi vay		9.527.375.362	9.529.189.902
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.809.703.678	27.199.501.620
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.788.763.282)	(55.357.555.114)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.654.863.442)	2.263.097.957
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(25.532.138.730)	(7.901.174.463)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.715.462.629	(349.675.678)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.527.375.362)	(8.849.041.760)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(8.315.238.439)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.000.000	1.000.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(787.617.000)	(1.387.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(41.710.591.509)	(52.696.485.877)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.854.153.404)	(20.967.482.092)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.599.238.574	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.397.579.403)	(15.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	25.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.719.130.905	2.681.864.172
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.933.363.328)	(8.285.617.920)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		390.987.790.404	343.489.665.546
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(406.533.520.707)	(339.696.360.680)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(434.974.500)	(434.974.500)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(28.875.075.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.980.704.803)	(25.516.745.234)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(88.624.659.640)	(86.498.849.031)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		157.294.256.423	226.018.102.803
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	68.669.596.783	139.519.253.772

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Nguyễn Phú Thái

Nguyễn Thị Thuý Hằng



Tổng Giám Đốc

Đương Minh Hòa

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sảm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tét bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh sau thuế kỳ này của Công ty giảm 58% so với kỳ trước chủ yếu là do quy mô bán hàng bị giảm.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, toàn bộ các đơn vị này đều hạch toán chung vào văn phòng Công ty.

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
4. Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM.

175
TY
HỮU
À TI
IVI
HỒ
10

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

3031
CÔ
ÁCH NI
V TOA
:HU
5-TP

065
TY
N
JA
VH
DUONG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

2817
NG T
HIỆM HỮ
N VÀ T
IN VI
HỒ C

01.01.2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (vỏ xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, tỷ giá 23.230 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, tỷ giá 23.230 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, tỷ giá 23.330 VNĐ/USD.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	119.030.204	651.383.888
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.395.628.944	94.739.642.016
Các khoản tương đương tiền (*)	33.154.937.635	61.903.230.519
Cộng	<u>68.669.596.783</u>	<u>157.294.256.423</u>

(*) Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng. Trong đó giá trị của các hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina và Ngân hàng TMCP Phương Đông dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay là 29.500.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.17a).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	137.367.243.985	142.669.552.266
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	19.734.698.162	34.513.755.673
- Công ty TNHH Nhựa An Khánh	9.726.139.106	13.703.207.406
- Công ty TNHH SX TM Trường Thành Phát	18.850.486.039	-
- Công ty TNHH Nhựa Tín Thành Phát	15.008.743.104	-
- Các đối tượng khác	74.047.177.574	94.452.589.187
Cộng (*)	<u>137.367.243.985</u>	<u>142.669.552.266</u>

(*) Các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối kỳ được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.17a.

3031
 CÔNG
 ÁCH NI
 M TOÁN
 THU
 5-TP

15
 NG
 P
 1-1
 I K
 T.E

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	18.580.576.379	24.965.463.473
- Công ty TNHH Nhựa An Khánh ⁽¹⁾	10.445.171.229	11.250.470.000
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ⁽²⁾	5.169.485.132	5.169.485.132
- Các đối tượng khác	2.965.920.018	8.545.508.341
Cộng	<u>18.580.576.379</u>	<u>24.965.463.473</u>

⁽¹⁾ Là khoản trả tiền trước để mua hạt nhựa theo Hợp đồng số 441/VK-AK-2017 ngày 11/12/2017 và số 442/VK-AK-2017 ngày 12/12/2017. Thời gian giao hàng trong vòng 06 tháng theo từng đơn đặt hàng.

⁽²⁾ Là khoản trả tiền trước để mua vỏ xe theo Hợp đồng số 160/VK-TK-2018 ngày 02/06/2018. Thời gian giao hàng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác</i>	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ⁽¹⁾	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức ⁽²⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

⁽¹⁾ Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 04/VK-TK/16 ngày 10/10/2016, kỳ hạn 06 tháng, được gia hạn thời gian cho vay theo hợp đồng vay số 1.2/VK-QĐ/18 ngày 01/01/2018 (được tái tục cho 06 tháng tiếp theo nếu chưa thu hồi được nợ gốc), lãi suất 6%/năm.

⁽²⁾ Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 01/VK-QĐ/16 ngày 20/06/2016, kỳ hạn 06 tháng, được gia hạn thời gian cho vay theo hợp đồng vay số 1.1/VK-QĐ/18 ngày 01/01/2018 (được tái tục cho vay 06 tháng tiếp theo nếu chưa thu hồi được nợ gốc), lãi suất 6%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.924.969.741	-	4.776.922.083	-
- Tạm ứng cho nhân viên ⁽¹⁾	7.653.919.216	-	2.130.910.975	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.409.700.525	-	2.234.761.108	-
- Phải thu khác	861.350.000	-	411.250.000	-
Cộng	<u>10.924.969.741</u>	<u>-</u>	<u>4.776.922.083</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

⁽¹⁾ Chi tiết gồm :

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Đỗ Ngọc Nam	5.074.589.840	-	-	-
- Lê Hoàng Thanh	1.224.992.000	-	1.224.992.000	-
- Nguyễn Thị Ngọc Viễn	500.001.200	-	15.582.000	-
- Trương Văn Kiệt	400.000.000	-	400.000.000	-
- Các cá nhân khác	861.350.000	-	411.250.000	-
Cộng	10.924.969.741	-	4.776.922.083	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	381.928.829	-	381.928.829	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	381.928.829	-	381.928.829	-
Cộng	381.928.829	-	381.928.829	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.340.998.415)	(5.398.736.149)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.847.293.114)	(16.003.810)
Hoàn nhập dự phòng	-	398.748.653
Số cuối kỳ	(3.188.291.529)	(5.015.991.306)

Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác						
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	Trên 1 năm, dưới 2 năm	3.467.772.883	1.733.886.441	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	3.867.772.883	2.707.441.018
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	4.288.325.625	2.997.653.338		-	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	163.732.800	-	Trên 2 năm, dưới 3 năm	180.666.550	-
Cộng		7.919.831.308	4.731.539.779		4.048.439.433	2.707.441.018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.453.596.594	(2.115.268.778)	28.209.915.300	(5.671.941.941)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.912.850.249	(1.475.448.604)	5.512.091.508	-
Thành phẩm	33.250.247.702	(5.619.054.233)	41.973.798.887	(8.355.225.016)
Hàng hóa	98.288.402.877	(3.853.281.878)	61.554.428.285	(257.012.271)
Cộng (*)	167.905.097.422	(13.063.053.493)	137.250.233.980	(14.284.179.228)

(*) Giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại Thuyết minh V.17a.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	76.740.553.307	252.031.235.674	15.207.724.983	5.621.871.869	582.385.154	350.183.770.987
Mua trong kỳ	-	4.665.571.610	-	-	-	4.665.571.610
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.485.125.817	-	-	-	-	5.485.125.817
Thanh lý TSCĐ	-	(2.253.143.191)	(1.220.350.719)	-	-	(3.473.493.910)
Số cuối kỳ	82.225.679.124	254.443.664.093	13.987.374.264	5.621.871.869	582.385.154	356.860.974.504
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13.220.799.479	167.113.660.015	8.848.585.348	1.706.416.682	299.281.267	191.188.742.791
Khấu hao trong kỳ	1.939.244.612	8.192.301.645	675.021.721	418.512.089	48.532.096	11.273.612.163
Thanh lý TSCĐ	-	(975.510.421)	(1.104.010.923)	-	-	(2.079.521.344)
Số cuối kỳ	15.160.044.091	174.330.451.239	8.419.596.146	2.124.928.771	347.813.363	200.382.833.610
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	63.519.753.828	84.917.575.659	6.359.139.635	3.915.455.187	283.103.887	158.995.028.196
Số cuối kỳ	67.065.635.033	80.113.212.854	5.567.778.118	3.496.943.098	234.571.791	156.478.140.894

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 89.521.317.258 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 25.217.647.042 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.431.710.240	2.431.710.240
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	2.431.710.240	2.431.710.240
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	526.870.552	526.870.552
Khấu hao trong kỳ	121.585.512	121.585.512
Số cuối kỳ	648.456.064	648.456.064
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.904.839.688	1.904.839.688
Số cuối kỳ	1.783.254.176	1.783.254.176

(*) Đây là tài sản hình thành từ Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty CP Cáp Nhựa Vĩnh Khánh.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	22.428.429.473	468.973.406	22.897.402.879
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	22.428.429.473	468.973.406	22.897.402.879
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.969.840.139	387.456.205	4.357.296.344
Khấu hao trong kỳ	413.196.275	11.758.591	424.954.866
Số cuối kỳ	4.383.036.414	399.214.796	4.782.251.210
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.458.589.334	81.517.201	18.540.106.535
Số cuối kỳ	18.045.393.059	69.758.610	18.115.151.669

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 280.835.906 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 2.552.615.281 đồng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	1.839.350.264	1.863.237.932
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, các chi phí khác	3.529.942.630	5.151.216.049
Cộng (*)	5.369.292.894	7.014.453.981

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

(*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	7.014.453.981	5.835.370.065
Phát sinh trong kỳ	346.486.260	2.743.985.117
Phân bổ trong kỳ	<u>(1.991.647.347)</u>	<u>(2.570.063.295)</u>
Cộng	<u>5.369.292.894</u>	<u>6.009.291.887</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</i>	95.740.565.946	95.740.565.946	125.486.910.322	125.486.910.322
- Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân VN	75.189.505.652	75.189.505.652	105.279.956.100	105.279.956.100
- Maxxis International Co.,Ltd	11.656.435.297	11.656.435.297	9.347.941	9.347.941
- Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	1.800.007.000	1.800.007.000	3.579.796.000	3.579.796.000
- Công ty TNHH MTV Dây và Cáp Sacom	1.183.907.603	1.183.907.603	4.422.162.470	4.422.162.470
- Các nhà cung cấp khác	5.910.710.394	5.910.710.394	12.195.647.811	12.195.647.811
Cộng	<u>95.740.565.946</u>	<u>95.740.565.946</u>	<u>125.486.910.322</u>	<u>125.486.910.322</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</i>	6.122.910.501	388.697.031
- SMS Global Technologies Inc	5.555.057.700	-
- Các nhà cung cấp khác	<u>567.852.801</u>	<u>388.697.031</u>
Cộng	<u>6.122.910.501</u>	<u>388.697.031</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	2.603.353.058	(2.603.353.058)	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	274.918.365	339.120.978	(30.866.591)	33.336.022	-
- Thuế TNDN	226.137.214	-	1.134.106.321	-	1.360.243.535	-
- Thuế TNCN	51.643.175	-	171.293.169	(203.434.856)	19.501.488	-
- Thuế khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	277.780.389	274.918.365	4.247.873.526	(2.837.654.505)	1.413.081.045	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.760.405.309	11.811.683.148
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	910.126.296	976.218.061
+ Chi phí không được trừ	910.126.296	976.218.061
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.670.531.605	12.787.901.209
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.134.106.321	2.557.580.242

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí lãi vay phải trả.

16. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ tức phải trả	11.439.115.400	1.439.115.400
- Phải trả khác	1.109.844	113.742.010
Cộng	11.440.225.244	1.552.857.410

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan			-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	262.281.612.946	262.281.612.946	277.368.343.249	277.368.343.249
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽¹⁾	20.186.537.800	20.186.537.800	41.252.846.800	41.252.846.800
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn ⁽²⁾	16.723.783.994	16.723.783.994	17.617.315.896	17.617.315.896
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	9.607.128.850	9.607.128.850	5.924.653.900	5.924.653.900
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương ⁽⁴⁾	39.900.524.918	39.900.524.918	51.129.900.800	51.129.900.800
- Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP HCM ⁽⁵⁾	55.731.989.819	55.731.989.819	41.562.191.888	41.562.191.888
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM	-	-	10.486.700.900	10.486.700.900
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Đồng Nai ⁽⁶⁾	25.082.485.450	25.082.485.450	10.506.268.300	10.506.268.300
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM ⁽⁷⁾	26.461.457.550	26.461.457.550	26.418.136.467	26.418.136.467
- Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tân Bình ⁽⁸⁾	3.861.810.186	3.861.810.186	2.609.232.466	2.609.232.466
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi Nhánh I ⁽⁹⁾	64.725.894.379	64.725.894.379	69.861.095.832	69.861.095.832
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	362.478.747	362.478.747	797.453.247	797.453.247
Cộng	262.644.091.693	262.644.091.693	278.165.796.496	278.165.796.496

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160366 ngày 09/05/2016 và các Thư gia hạn thời gian của hợp đồng này. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu số VNM CDT 080221/MR, hàng hóa trong kho số VNM CDT 080221/MS và quyền sử dụng đất số VNM 101460/L.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sài Gòn, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0211.HDTD.VIB625.17 ngày 27/06/2017. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty VIB phát hành trị giá tối thiểu 13.500.000.000 đồng; Hàng tồn kho luân chuyển tối thiểu 93.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

- (3) Là khoản vay Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina Chi nhánh Bình Dương, theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 240-27-0804 ngày 01/09/2011 và phụ lục hợp đồng ANNEX-240270804 ngày 31/08/2017. Hạn mức tín dụng: 29.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng Shinhan Vina phát hành, với giá trị là 5.000.000.000 đồng
- (4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số số 035BA17 ngày 07/08/2017. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh; Quyền sử dụng đất số: CB908157 tọa lạc khu phố Bình Thung 1, P. Bình An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương của Ông Lâm Quy Chương cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Nam Bình Dương; Hợp đồng tiền gửi số 028CTA13 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành, với giá trị 6.000.000.000 đồng.
- (5) Là khoản vay Ngân Hàng BPCE IOM (tên cũ là Ngân hàng Natixis) – Chi nhánh Tp. HCM, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000451-2017 ngày 18/9/2017. Hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển cuối kỳ.
- (6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 108/2016/HĐTD/DNI ngày 27/10/2016. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Số lượng 3.035.602 chứng khoán thuộc sở hữu của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
- (7) Là khoản vay Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015. Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Đảm bảo bởi tài sản cá nhân của ông Lâm Quy Chương 1.500.000 USD; Hàng hóa tồn kho luân chuyển với giá trị 1.200.000 USD; Máy móc thiết bị với giá trị tương đương 9,5 tỷ đồng; Xe ô tô Toyota Camry, biển số 61H.6549 và Isuzu MQR75L biển số 61P.0957.
- (8) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – CN Tân Bình, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 104/2017/HĐTDHM ngày 28/06/2017. Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng OCB, với giá trị là 5.000.000.000 đồng.
- (9) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 1 Tp. HCM, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 031/2017- HĐCVHM/NHCT902-VCOM ngày 01/06/2017. Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 9183, tờ bản đồ số 4 (2BA.8), phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	2.382.500.000	2.382.500.000	2.841.500.000	2.841.500.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	2.382.500.000	2.382.500.000	2.841.500.000	2.841.500.000
Cộng	2.382.500.000	2.382.500.000	2.841.500.000	2.841.500.000

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình, hợp đồng hạn mức tín dụng số 89/2016/HĐTĐHM ngày 29/03/2016 và số 100/2016/HĐTĐ-DN ngày 29/3/2016 (Hạn mức: 20.000.000.000 VNĐ), với mục đích bổ sung vốn lưu động của công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm: 3 dây chuyền sản xuất cấp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cấp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu kỳ	5.108.613.208	2.786.473.947
- Trích lập trong kỳ	412.065.825	4.019.114.261
- Tăng khác trong kỳ	55.000.000	1.000.000
- Sử dụng trong kỳ	(787.617.000)	(1.387.400.000)
Số dư cuối kỳ	4.788.062.033	5.419.188.208

19. Vốn chủ sở hữu**19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại Phụ lục 01.

19.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.000.000.000	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

19.3. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là <i>Vốn chủ sở hữu</i>)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

19.4. Phân phối lợi nhuận

Chi tiết gồm:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ Kết quả kinh doanh năm 2017	412.065.825
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Kết quả kinh doanh 2017	412.065.825
- Chia cổ tức từ Kết quả kinh doanh năm 2017	10.000.000.000
Cộng	10.824.131.650

Phân phối lợi nhuận trong kỳ căn cứ theo Nghị quyết số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

20. Tài khoản ngoài bảng**Nợ khó đòi đã xóa**

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
- Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
- Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
- Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
Cộng	5.004.879.304	5.004.879.304

5128
 CÔNG
 NIỆM
 TOÁN
 UẤN
 TP. 1

0-C.T.1
 *

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu thành phẩm	77.607.540.475	156.089.561.044
- Doanh thu hàng hóa	354.916.416.393	364.702.339.348
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.585.563.646	-
Cộng	<u>435.109.520.514</u>	<u>520.791.900.392</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn thành phẩm	76.922.325.837	154.813.928.991
- Giá vốn hàng hóa	324.719.816.216	326.417.755.787
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.809.866.100	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.343.073.776
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.221.125.735)	-
Cộng	<u>402.230.882.418</u>	<u>482.574.758.554</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	1.719.130.905	2.745.485.559
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	99.301.468	929.396.526
Cộng	<u>1.818.432.373</u>	<u>3.674.882.085</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền vay và thuê tài chính	9.527.375.362	9.529.189.902
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	189.809.198	272.179.478
- Chi phí tài chính khác	-	55.731.108
Cộng	<u>9.717.184.560</u>	<u>9.857.100.488</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên	4.934.625.640	4.788.207.838
- Chi phí công cụ, dụng cụ	45.079.533	7.603.233
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	947.148.398	436.939.055
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	3.533.817.705	5.163.794.028
Cộng	<u>9.460.671.276</u>	<u>10.396.544.154</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	2.860.972.146	4.039.744.474
- Chi phí công cụ, dụng cụ	672.924.594	204.492.090
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	489.777.585	399.190.128
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.847.293.114	16.003.810
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	5.627.492.188	5.355.549.428
Cộng	<u>11.498.459.627</u>	<u>10.014.979.930</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	205.265.808	90.909.090
- Thu nhập khác	544.541.308	215.276.159
Cộng	<u>749.807.116</u>	<u>306.185.249</u>

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Phạt chậm nộp thuế	-	35.087.685
- Chi phí khác	10.156.813	82.813.767
Cộng	<u>10.156.813</u>	<u>117.901.452</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.134.106.321	2.557.580.242
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.134.106.321</u>	<u>2.557.580.242</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.626.298.988	8.702.176.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(181.314.949)	(870.217.668)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.444.984.039	7.831.959.010
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	<u>172</u>	<u>392</u>

(*) Kỳ này: Được tạm tính bằng 5% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2017 ngày 26/06/2018.

Kỳ trước: Được tạm tính bằng 10% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 135/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2017 ngày 22/04/2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.626.298.988	8.702.176.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(181.314.949)	(870.217.668)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.444.984.039	7.831.959.010
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	20.000.000	20.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	<u>172</u>	<u>392</u>

^(*) Kỳ này: Được tạm tính bằng 5% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/DHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

Kỳ trước: Được tạm tính bằng 10% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 135/NQ/DHĐCĐ/VCOM/2017 ngày 22/04/2017.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.034.433.855	221.640.030.535
- Chi phí nhân công	10.075.065.466	16.126.746.691
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.820.152.541	10.482.714.816
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	19.963.596.127	25.516.772.242
Cộng	<u>92.893.247.989</u>	<u>273.766.264.284</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	390.987.790.404	343.489.665.546
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>390.987.790.404</u>	<u>343.489.665.546</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(406.533.520.707)	(339.696.360.680)
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	(434.974.500)
Cộng	<u>(406.533.520.707)</u>	<u>(340.131.335.180)</u>

VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương, thù lao	1.133.000.000	1.193.249.000
Cổ tức được nhận	-	7.200.000.000
Cộng	<u>1.133.000.000</u>	<u>8.393.249.000</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

3.2 Giao dịch và số dư với ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch HĐQT.

3.2.1 Các giao dịch thực hiện trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi tiền cho vay	-	15.000.000.000
- Thu tiền cho vay	-	15.000.000.000
- Trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	15.403.500.000
- Phải thu khác	-	504.091.000

3.2.2 Số dư cuối kỳ:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	14.588.201	14.588.201

3.2.3 Bảo đảm cá nhân của Ông Lâm Quy Chương

Trong kỳ ông Lâm Quy Chương đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng cho Công ty tại Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Tp. HCM (Thuyết minh số V.17a).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: bao gồm cáp.
- Hàng hóa: là vỏ xe, ống nhựa.
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng

33128
CÔNG
CH NHIỆ
TOÁN
HUÂN
-TP.
51
IG
PH
- NI
KH
BÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

• **Kỳ này**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Thành phẩm</u>	<u>Hàng hóa</u>	<u>Cho thuê mặt bằng</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.607.540.475	354.916.416.393	2.585.563.646	435.109.520.514
Giá vốn hàng bán	76.922.325.837	324.719.816.216	1.809.866.100	403.452.008.153
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(1.221.125.735)
Lợi nhuận gộp	685.214.638	30.196.600.177	775.697.546	32.878.638.096

• **Kỳ trước**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Thành phẩm</u>	<u>Hàng hóa</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.089.561.044	364.702.339.348	520.791.900.392
Giá vốn hàng bán	154.813.928.991	326.417.755.787	481.231.684.778
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	1.343.073.776
Lợi nhuận gộp	1.275.632.053	38.284.583.561	38.217.141.838

Khu vực địa lý• **Kỳ này**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Nội địa</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.385.012.625	16.724.507.889	435.109.520.514
Giá vốn hàng bán	387.954.790.646	15.497.217.507	403.452.008.153
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	(1.221.125.735)
Lợi nhuận gộp	30.430.221.979	1.227.290.382	32.878.638.096

• **Kỳ trước**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Nội địa</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	464.503.299.889	56.288.600.503	520.791.900.392
Giá vốn hàng bán	429.073.696.575	52.157.988.203	481.231.684.778
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	1.343.073.776
Lợi nhuận gộp	35.429.603.314	4.130.612.300	38.217.141.838

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp:

- Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina và Ngân hàng TMCP Phương Đông phát hành (Thuyết minh V.1);
- Nợ phải thu của khách hàng luân chuyển cuối kỳ (Thuyết minh V.2);

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

17
 3 T
 M H
 VÀ T
 IV
 HỒ
 06
 T Y
 N U
 ANH
 H D

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Hàng tồn kho luân chuyển cuối kỳ (Thuyết minh V.7);
- Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Thuyết minh V.17a);
- Số lượng 3.035.602 cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá 30.356.020.000 đồng) của ông Lâm Quy Chương đang được quản lý tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (Thuyết minh số V.17a);
- Máy móc thiết bị (Thuyết minh V.17a);
- Xe ô tô Toyota Camry, biển số 61H.6549 và Isuzu MQR75L biển số 61P.0957 (Thuyết minh V.17);
- 3 dây chuyền sản xuất cấp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cấp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13 (Thuyết minh V.17a);
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 9183, tờ bản đồ số 4 (2BA.8), phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh (Thuyết minh V.17a).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 03/07/2018, Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm ông Võ Thiên Chương (Thành viên Hội đồng quản trị) giữ chức vụ Tổng Giám đốc thay thế cho việc thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Phú Thái


Nguyễn Thị Châu Hằng




Dương Minh Hòa
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thái, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	1	2	3	4	5
A					
Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017					
1. Số dư đầu năm	200.000.000.000	11.384.120.000	13.924.626.068	42.340.122.086	267.648.868.154
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	8.702.176.678	8.702.176.678
- Lãi trong kỳ	-	-	-	8.702.176.678	8.702.176.678
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	(34.019.114.261)	(34.019.114.261)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(34.019.114.261)	(34.019.114.261)
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000.000	11.384.120.000	13.924.626.068	17.023.184.503	242.331.930.571

Cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

1. Số dư đầu năm	200.000.000.000	11.384.120.000	12.888.352.026	16.562.324.327	240.834.796.353
2. Tăng trong kỳ	-	-	412.065.825	3.626.298.988	4.038.364.813
- Lãi trong năm	-	-	-	3.626.298.988	3.626.298.988
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	412.065.825	-	412.065.825
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	(10.824.131.650)	(10.824.131.650)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Chia cổ tức	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000.000	11.384.120.000	13.300.417.851	9.364.491.665	234.049.029.516

Người lập biểu



Nguyễn Phú Thái

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy Hằng

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Tổng Giám Đốc



Dương Minh Hòa
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

